BÀI 9. BÁO CÁO VÀ KẾT XUẤT BÁO CÁO

Câu 1: Khi cần in dữ liệu theo một mẫu cho trước, cần sử dụng đối tượng nào?
A. Báo cáo. B. Bảng. C. Mẫu hỏi. D. Biểu mẫu.

Câu 2: Báo cáo thường được sử dụng để:
A. Thể hiện được sự so sánh từ các nhóm dữ liệu.
B. Trình bày nội dung văn bản theo mẫu quy định.
C. Tổng hợp thông tin từ các nhóm dữ liệu .
D. Tất cả các ý còn lại.

Câu 3:

Câu 4: Để làm việc với báo cáo, chọn đối tượng nào trong bảng chọn đối tượng?
A. Tables. B. Forms. C. Queries. D. Reports.

Câu 5: Để tạo nhanh một báo cáo, thường chọn cách nào trong các cách dưới đây:
A. Người dùng tự thiết kế.
B. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo.
C. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo và sau đó sửa đổi thiết kế báo cáo.
D. Tất cả các trên đều sai.

Câu 6:

Câu 7: Giả sử bảng HOCSINH gồm có các trường MAHS, HOTEN, DIEM. LOP. Muốn hiển thị thông tin điểm cao nhất của mỗi lớp để sử dụng lâu dài, trong Access ta sử dụng đối tượng nào trong các đối tượng sau?
A. Reports. B. Queries. C. Forms. D. Tables.

Câu 8: Khi muốn sửa đổi thiết kế báo cáo, ta chọn báo cáo rồi nháy nút:
A. B.

C. D.

Câu 9: Khi báo cáo đang ở chế độ thiết kế, có thể nháy nút nào để xem kết quả của báo cáo?
A. B.

C. D.

Câu 10: Khi mở một báo cáo, nó được hiển thị dưới dạng nào?

A. Chế độ thiết kế. B. Chế độ trang dữ liệu. C. Chế độ biểu mẫu. D. Chế độ xem trước.

Câu 11: Chọn phát biểu **sai** trong các phát biểu sau?
A. Có thể định dạng kiểu chữ, cỡ chữ cho các tiêu đề và dữ liệu trong báo cáo.
B. Lưu báo cáo để sử dụng nhiều lần.
C. Báo cáo tạo bằng thuật sĩ đạt yêu cầu về hình thức.
D. Có thể chèn hình ảnh cho báo cáo thêm sinh động.

Câu 12:

Câu 13: Để tính trung bình điểm toán theo tổ ta chọn hàm nào trong các hàm sau:
A. SUM. B. AVG. C. MIN. D. COUNT.

Câu 14: Khi dùng thuật sĩ để tạo báo cáo ta chọn lệnh nào trong các lệnh sau:
A. Create report by using wizard. B. Create query by using wizard.
C. Create report in design view. D. Create query in design view.

BÀI 10. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ

Câu 1: Về mặt cấu trúc, dữ liệu được thể hiện trong đối tượng nào sau đây?

A. Field. B. Record. C. Table. D. Report.

Câu 2: Khái niệm nào **không dùng** để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?

A. Cấu trúc dữ liệu.

B. Các ràng buộc dữ liệu.

C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu.

D. Dữ liệu trong bảng.

Câu 3: Mô hình DLQH được E.F. Codd đề xuất vào năm nào?

A. 1970. B. 1973. C. 1972. D.1971.

Câu 4:

Câu 5: Thao tác trên dữ liệu nào **không thể** thực hiện được?

A. Sửa bản ghi . B. Thêm bản ghi. C. Xoá bản ghi. D. Sửa tên bảng.

Câu 6: Cơ sở dữ liệu quan hệ **không** thể dùng để làm gì?

A. Tạo lập CSDL. B. Cập nhật CSDL. C. Khai thác CSDL. D. Xử lý CSDL.

Câu 7: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc các bảng bao gồm những thành phần nào:

A. Chỉ có hàng. B. Gồm các hàng và cột.

C. Chỉ có cột. D. Gồm các hàng.

Câu 8:

Câu 9: Thuật ngữ "thuộc tính" dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính. B. Bảng. C. Hàng. D. Cột.

Câu 10: Thuật ngữ "miền" dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính. B. Bảng. C. Hàng. D. Cột.

Câu 11: Thuật ngữ "quan hệ" dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính. B. Bảng. C. Hàng. D. Cột.

Câu 12:

Câu 13: Các khái niệm nào **không** dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?

A. Cấu trúc dữ liệu.

B. Các ràng buộc dữ liệu.

C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu.

D. Dữ liệu trong bảng.

Câu 14: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn - trả	
		Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO – 012	5 – 9 – 2007	30 – 9 – 2007
TV-04	TN - 103	12 – 9 - 2007	15 – 9 - 2007
TV-02	TN - 102	24 – 9 - 2007	5 – 10 - 2007
TV-01	TO - 012	12 – 10 - 2007	12 – 10 - 2007

Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

A. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt. B. Không có thuộc tính tên người mượn.

C. Có một cột thuộc tính là phức hợp. D. Số bản ghi quá ít.

Câu 15: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO – 012	5 – 9 – 2007	30 – 9 – 2007
	TN – 103	22 – 10 - 2007	25 – 10 – 2007
TV-04	TN – 103	12 – 9 – 2007	15 – 9 – 2007
TV02	TN – 102	24 – 9 – 2007	5 – 10 – 2007
TV01	TO – 012	5 – 10 - 2007	

Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì:

A. Độ rộng các cột không bằng nhau. B. Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV – 02.

C. Một thuộc tính có tính đa trị. D. Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính.

Câu 16: Thao tác trên dữ liệu **không** thể thực hiện được việc gì?

A. Sửa bản ghi.

B. Thêm bản ghi.

C. Xoá bản ghi.

D. Xóa trường.

Câu 17: Khẳng định nào là **sai** khi nói về khoá?

A. Khoá là tập hợp các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể.

B. Khoá là tập hợp các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể.

C. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá.

D. Khoá phải là các trường STT.

Câu 18: Phát biểu nào ***sai*** trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

A. Một bảng có thể có nhiều khoá chính.

B. Mỗi bảng có ít nhất một khoá.

C. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu.

D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

Câu 19: Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta không thể để trống trường nào sau đây?

A. Khóa chính. B. Khóa và khóa chính.

C. Trường số thứ tự. D. Tất cả các trường của bảng.

Câu 20: Trong mô hình quan hệ, ràng buộc như thế nào được gọi là ràng buộc toàn vẹn thực thể (ràng buộc khoá)?

A. Kiểm soát việc nhập dữ liệu sao cho dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống, dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau để đảm bảo sự nhất quán dữ liệu.
B. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống.
C. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau.
D. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống nhưng được trùng nhau

Câu 21: Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường: STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là:
A. STT. B. Số báo danh. C. Phòng thi. D. Họ tên học sinh.

Câu 22: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì:
A. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất.
B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số.
C. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN.
D. Trường SOBH là trường có kiểu dữ liệu ngắn hơn.

Câu 23. Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có mộ mã số (Mahs)

Mahs	HoTen	Ngaysinh	Lop	Diachi	Toan	Li	Hoa
0001	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	Nội trú	10	9	8
0002	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	20 Lê Lợi	9	10	5
0003	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12B	Nội trú	7	7	7

Khoá chính của bảng là:
A. Khoá chính = {Mahs}.
B. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}.
C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}.
D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}.

Câu 24. Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :
A. Địa chỉ của các bảng. B. Thuộc tính khóa.
C. Tên trường. D. Thuộc tính của trường.

Câu 25: Cho các bảng sau :
- **DanhMucSach**(MaSach, TenSach, MaLoai)
- **LoaiSach**(MaLoai, LoaiSach)
- **HoaDon**(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết ***giá của một quyển sách*** thì cần những bảng nào ?
A. HoaDon. B. DanhMucSach, HoaDon.
C. DanhMucSach, LoaiSach. D. HoaDon, LoaiSach.

Câu 26. Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?
A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ.
B. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ.
C. Phần mềm Microsoft Access.
D. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu.